



anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
www.anvietcpa.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG	12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	14 - 33

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Minh Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Tấn Phát	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Trần Quế Trang	Thành viên Hội đồng quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tiền Ví Diệp	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,




Lê Minh Quang
Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Số: 127/2020/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital ("gọi tắt là Công ty") được lập ngày 12/08/2020 và được trình bày từ trang 05 đến trang 33 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital tại ngày 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được soát xét/kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Trên Báo cáo soát xét/kiểm toán số A0519162-SXR/AISC-DN5 ngày 14/08/2019 và số A0519162-R/AISC-DN5 ngày 17/02/2020, Kiểm toán viên đưa ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thương

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
0308-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		116.754.020.050	120.612.443.705
I Tài sản tài chính	110		116.501.301.533	119.889.895.436
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	3.209.286.581	16.242.759.197
1.1. Tiền	111.1		709.286.581	5.242.759.197
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		2.500.000.000	11.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.1	5.005.100	5.473.640
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.2	97.500.000.000	97.500.000.000
4. Các khoản phải thu	117	8	4.056.486.303	4.510.326.608
4.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		2.500.000.000	2.500.000.000
4.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		1.556.486.303	2.010.326.608
4.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		1.556.486.303	2.010.326.608
5. Trả trước cho người bán	118	9	10.152.388.844	32.000.956
6. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	4.004.339.557	4.025.539.887
7. Các khoản phải thu khác	122	11	73.795.148	73.795.148
8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	12	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
II Tài sản ngắn hạn khác	130		252.718.517	722.548.269
1. Tạm ứng	131		2.000.000	5.000.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	13	250.349.995	717.548.269
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		368.522	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.809.602.134	16.965.359.211
II Tài sản cố định	220		12.233.901.944	13.005.091.040
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	4.792.146.930	5.147.416.026
- Nguyên giá	222		6.759.728.200	6.759.728.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(1.967.581.270)	(1.612.312.174)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	7.441.755.014	7.857.675.014
- Nguyên giá	228		12.869.830.663	12.869.830.663
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(5.428.075.649)	(5.012.155.649)
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		24.750.000	24.750.000
III Tài sản dài hạn khác	250		3.550.950.190	3.935.518.171
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	14	210.000.000	210.000.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	13	2.199.894.975	2.695.183.911
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	17	1.141.055.215	1.030.334.260
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		132.563.622.184	137.577.802.916

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		366.578.971	1.176.436.472
I. Nợ ngắn hạn	310		366.578.971	1.176.436.472
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		13.997.790	-
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320		-	620.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	97.701.181	406.872.636
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	254.880.000	149.563.836
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		132.197.043.213	136.401.366.444
I. Vốn chủ sở hữu	410		132.197.043.213	136.401.366.444
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	155.000.000.000	155.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		155.000.000.000	155.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		155.000.000.000	155.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417	20	(22.802.956.787)	(18.598.633.556)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(22.803.709.297)	(18.599.854.606)
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		752.510	1.221.050
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		132.563.622.184	137.577.802.916

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004	21.1	6.902.517.174	6.902.517.174
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006		15.500.000	15.500.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	21.2	2.710.000	2.710.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	21.3	409.605.740.000	438.602.770.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		139.656.520.000	192.259.090.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		2.849.220.000	2.799.220.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		267.100.000.000	221.100.000.000
d. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		-	22.444.460.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	21.4	56.106.690.000	54.970.750.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		1.135.940.000	-
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		54.970.750.000	54.970.750.000
3. Tiền gửi của khách hàng	026	21.5	7.169.034.888	7.756.841.902
3.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		7.168.034.888	7.756.841.902
3.2. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		1.000.000	-
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	21.6	7.169.034.888	7.756.841.902
4.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		2.381.989.379	2.929.581.289
4.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		4.787.045.509	4.827.260.613

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

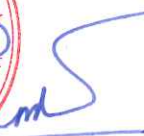
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Hồ Thị Kiều



Hồ Thị Kiều

Lê Minh Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

MẪU SỐ B02a - CTCK
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1		1.575.130	2.581.310
a. <i>Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	01.2	22	1.528.530	2.563.510
b. <i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3		46.600	17.800
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	2	23	2.705.230.155	304.430.139
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6	24	13.406.534	509.080.105
1.4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9	24	78.323.072	65.985.354
1.5. Thu nhập hoạt động khác	11	24	14.281.825	1.818.184
Cộng doanh thu hoạt động	20		2.812.816.716	883.895.092
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		1.997.070	1.597.380
a. <i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	21.2	22	1.997.070	1.597.380
2.2. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	25	641.070.225	1.197.898.296
2.3. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	25	1.732.500	-
2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	25	589.086.030	121.890.679
2.5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	25	20.000.000	-
Cộng chi phí hoạt động	40		1.253.885.825	1.321.386.355
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	26	84.180.410	41.298.995
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		84.180.410	41.298.995
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	27	5.847.803.407	4.216.081.787
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		(4.204.692.106)	(4.612.274.055)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

MẪU SỐ B02a - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		368.875	120.105.774
8.2. Chi phí khác	72		-	1.464.945.619
Cộng kết quả hoạt động khác	80		368.875	(1.344.839.845)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		(4.204.323.231)	(5.957.113.900)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(4.203.854.691)	(5.958.080.030)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(468.540)	966.130
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	28	-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		(4.204.323.231)	(5.957.113.900)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		(4.204.323.231)	(5.957.113.900)
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	29	(271)	(550)

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị






Hồ Thị Kiều

Hồ Thị Kiều

Lê Minh Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

MẪU SỐ B03a - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	(4.204.323.231)	(5.957.113.900)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	(785.297.207)	1.856.470.968
- Khấu hao TSCĐ	03	771.189.096	610.377.120
- Các khoản dự phòng	04	-	(764.560)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	-	1.356.358.408
- Dự thu tiền lãi	08	(1.556.486.303)	(109.500.000)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	1.997.070	1.597.380
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11	1.997.070	1.597.380
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(1.528.530)	(2.563.510)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19	(1.528.530)	(2.563.510)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(4.989.151.898)	(4.101.609.062)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	-	(9.000.000.000)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	-	6.521.189.771
- Tăng (giảm) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	2.010.326.608	-
- Tăng (giảm) các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37	21.200.330	98.346.452
- Tăng (giảm) các khoản phải thu khác	39	-	(106.436.520.359)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40	(108.089.477)	342.867.102
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	105.316.164	282.404.357
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	962.487.210	(400.881.763)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	(10.740.387.888)	(41.503.400)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(309.171.455)	(180.988.423)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	13.997.790	(19.357.478)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(13.033.472.616)	(112.936.052.803)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

MẪU SỐ B03a - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61	-	(6.953.479.410)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62	-	17.272.727
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	-	(6.936.206.683)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	-	100.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	-	100.000.000.000
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90	(13.033.472.616)	(19.872.259.486)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	16.242.759.197	21.060.325.056
Tiền	101.1	5.242.759.197	9.060.325.056
Các khoản tương đương tiền	101.2	11.000.000.000	12.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	3.209.286.581	1.188.065.570
Tiền	103.1	709.286.581	1.188.065.570
Các khoản tương đương tiền	103.2	2.500.000.000	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chi tiêu	Mã Số	Kỳ này	Kỳ so sánh
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	21.309.620.880	187.859.394.920
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(702.702.000)	(175.129.054.300)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	1.073.237.500	124.605.727.970
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(22.190.174.028)	(164.028.112.398)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(77.789.366)	(65.985.354)
6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	477.783.040	-
7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(477.783.040)	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20	(587.807.014)	(26.758.029.162)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	7.756.841.902	38.137.320.850
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	7.756.841.902	6.682.720.850
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34	-	31.454.600.000
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40	7.169.034.888	11.379.291.688
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	7.168.034.888	11.377.021.688
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	-	2.270.000
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	45	1.000.000	-

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Người lập:

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị







Hồ Thị Kiều

Hồ Thị Kiều

Lê Minh Quang

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

MẪU SỐ B04a - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Tại 01/01/2019	Tại 01/01/2020	Kỳ so sánh		Kỳ này		Tại 30/06/2019	Tại 30/06/2020
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.000.000.000	155.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	155.000.000.000	155.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	55.000.000.000	155.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	155.000.000.000	155.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	(18.772.468.184)	(18.598.633.556)	966.130	5.958.080.030	-	4.204.323.231	(24.729.582.084)	(22.802.956.787)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(18.772.468.184)	(18.599.854.606)	-	5.958.080.030	-	4.203.854.691	(24.730.548.214)	(22.803.709.297)
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	-	1.221.050	966.130	-	-	468.540	966.130	752.510
Tổng cộng	36.227.531.816	136.401.366.444	100.000.966.130	5.958.080.030	-	4.204.323.231	130.270.417.916	132.197.043.213

Người lập

hal

Hồ Thị Kiều

Kế toán trưởng

Hồ Thị Kiều

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP Hồ Chí Minh,
 Chủ tịch Hội đồng
 CHỨNG KHOÁN
 GLOBALMIND CAPITAL
 Q. PHÚ NHUẬN - T.P. HỒ CHÍ MINH

Lê Minh Quang

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 51/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 223/UBCK-GP ngày 26/03/2009;
- Giấy phép điều chỉnh số 354/UBCK-GP ngày 11/10/2010;
- Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 20/11/2014;
- Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK ngày 05/02/2015;
- Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK ngày 01/02/2016;
- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK ngày 30/01/2018;
- Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 09/11/2018;
- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 05/03/2019;
- Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 25/03/2019;
- Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 10/02/2020;

Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2020 là 155.000.000.000 đồng.

Điều lệ của Công ty: Điều lệ ban hành mới nhất của Công ty có hiệu lực từ ngày 16/12/2019.

Địa chỉ liên hệ của Công ty:

Trụ sở chính: Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đặc điểm hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bao gồm: Tư vấn đầu tư chứng khoán, môi giới chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và tư vấn tài chính.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán: được thực hiện theo quy định tại Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 và Điều 14 Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán**

Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210.

Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền của Công ty mở tại Ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được trình bày theo giá gốc và được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản FVTPL trên Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, có kỳ đáo hạn cố định mà CTCK có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ: Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được CTCK xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL); Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được CTCK xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS); và Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá trị cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua hoặc phát hành các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là: Các khoản cho vay và các khoản phải thu, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý. Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lãi (lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động riêng của Công ty.

Đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

Phản ánh dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp.

Khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, Công ty phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này và ghi nhận dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính.

Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán tại ngày trích lập dự phòng.

Các khoản phải thu và Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Các khoản phải thu phản ánh tổng giá trị các khoản phải thu về bán tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính tại thời điểm báo cáo.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải thu, từng nội dung phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản trị của Công ty. Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định được ghi nhận theo mô hình giá gốc trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
TSCĐ hữu hình - Máy móc, thiết bị	03 - 10
TSCĐ vô hình - Phần mềm máy tính	05 - 10
TSCĐ vô hình - Bản quyền phần mềm	10

Nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm: phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản phải trả về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán.

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả các tổ chức về mua các tài sản tài chính chưa niêm yết không qua các Sở Giao dịch chứng khoán; theo dõi thanh toán tại ngày T+0 của mua, bán tài sản tài chính qua các Sở Giao dịch chứng khoán và các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về chi phí hoạt động của Công ty cho mục đích xác định đầy đủ chi phí hoạt động của kỳ kế toán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí giao dịch mua, bán các tài sản tài chính và chi phí hoạt động khác.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Doanh thu hoạt động

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Lãi lỗ từ bán các tài sản tài chính

Được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn các tài sản tài chính.

Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập đối với các cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty hình thành trước ngày không hưởng quyền và có Thông báo chia cổ tức của Tổ chức phát hành đã được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thường chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng thu nhập.

Tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính của Công ty được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu dịch vụ quy định tại Chuẩn mực Doanh thu.

Doanh thu đã thực hiện được xác định trên cơ sở doanh thu thuần: Doanh thu ban đầu đã giảm trừ các khoản giảm trừ doanh thu (nếu có) phát sinh trong kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán ngay bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán (Ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các chứng từ liên quan khác) hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm:

- *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán;*
- *Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;*
- *Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;*
- *Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính;*
- *Và thu nhập từ một số hoạt động khác.*

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động phản ánh các khoản lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư tài sản tài chính, gồm: FVTPL, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay, tài sản sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động dung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, bao gồm:

- *Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán;*
- *Chi phí nghiệp vụ tư vấn chứng khoán;*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- *Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;*
- *Chi phí các dịch vụ tài chính khác;*
- *Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán.*
- *Chi phí các dịch vụ khác.*

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	708.314.081	5.241.786.697
Chứng khoán	2.500.000.000	11.000.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)		
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	972.500	972.500
Cộng	3.209.286.581	16.242.759.197

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàng Trống.

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán		
- Cổ phiếu	-	-
Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	731.653	7.587.060.800

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu-niêm yết	4.252.590	5.005.100	4.252.590	5.473.640
- ACB	1.458.060	3.488.400	1.458.060	3.488.400
- DMC	664.900	546.700	664.900	792.000
- HAS	66.700	51.100	66.700	49.000
- NAV	84.000	120.000	84.000	77.400
- PET	367.200	83.300	367.200	76.000
- PVX	866.670	48.000	866.670	44.000
- RIC	61.200	10.400	61.200	9.840
- STB	143.200	43.000	143.200	40.200
- VC2	411.800	453.600	411.800	716.400
- VCB	128.860	160.600	128.860	180.400
Cộng	4.252.590	5.005.100	4.252.590	5.473.640

7.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Ngân hàng TMCP Kiên Long, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Nam Á.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	2.500.000.000	2.500.000.000
- Ông Lê Mười (*)	2.500.000.000	2.500.000.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.556.486.303	2.010.326.608
- Phải thu tiền lãi tiền gửi ngân hàng	1.556.486.303	2.010.326.608
Cộng	4.056.486.303	4.510.326.608

(*) Khoản phải thu còn lại của Ông Lê Mười theo hợp đồng chuyển nhượng 1.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkspy ngày 24/12/2012, thời hạn thanh toán chậm nhất là 31/08/2014. Do khoản nợ phải thu nói trên đã quá hạn nhiều năm không có khả năng thu hồi, công ty đã trích lập dự phòng với tỷ lệ 100% cho khoản phải thu này. Chi tiết xem tại thuyết minh số 12.

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần In Thanh niên (*)	10.097.788.844	-
Các nhà cung cấp khác	54.600.000	32.000.956
Cộng	10.152.388.844	32.000.956

(*) Khoản tạm ứng tiền thuê văn phòng theo hợp đồng cho thuê mặt bằng ngày 02/01/2020 với Công ty Cổ phần In Thanh niên, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 01/01/2020.

10. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	-	21.734.013
Phải thu hoạt động tư vấn chứng khoán	4.000.000.000	4.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Bao Bì Thành Công (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hàm Luông (**)	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	4.339.557	3.805.874

(*) Khoản phải thu theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn số 1203/GMC-HĐTV ngày 03/12/2019 về việc cung cấp dịch vụ tư vấn về ngành và cổ phiếu ngân hàng tại Việt Nam, biên bản nghiệm thu thanh lý ngày 30/12/2019. Phụ lục 01 ngày 27/03/2020 về việc điều chỉnh hạn thanh toán đến 31/12/2020.

(**) Khoản phải thu theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn số 1204/GMC-HĐTV ngày 09/12/2019 về việc cung cấp dịch vụ tư vấn về ngành và cổ phiếu ngân hàng tại Việt Nam, biên bản nghiệm thu thanh lý ngày 27/12/2019. Phụ lục 01 ngày 27/03/2020 về việc điều chỉnh hạn thanh toán đến 31/12/2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá có thể thu hồi đầy đủ các khoản nợ này trong thời gian tới, do đó không có bất kỳ khoản dự phòng cần thiết được trích lập tại ngày 30/06/2020.

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Bà Nguyễn Thị Bích Ngà	73.795.148	73.795.148
Cộng	73.795.148	73.795.148

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Loại phải thu khó đòi	Thời gian quá hạn	Giá trị phải thu khó đòi tại 30/06/2020	Số dự phòng đầu kỳ	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số dự phòng cuối kỳ
		VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu bán các tài sản tài chính		2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
- Ông Lê Mười (*)	Trên 3 năm	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
Cộng		2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000

(*) Khoản dự phòng phải thu của Ông Lê Mười theo hợp đồng chuyển nhượng 1.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkspy ngày 24/12/2012.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	250.349.995	717.548.269
- Chi phí dụng cụ, thiết bị quản lý	71.350.011	710.930.119
- Phí thường niên	178.999.984	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	6.618.150
Chi phí trả trước dài hạn	2.199.894.975	2.695.183.911
- Chi phí dụng cụ, thiết bị quản lý	1.097.942.973	1.281.223.305
- Chi phí sửa chữa văn phòng	785.396.434	1.029.571.702
- Chi phí trả trước dài hạn khác	316.555.568	384.388.904
Cộng	2.450.244.970	3.412.732.180

14. KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	210.000.000	210.000.000
Cộng	210.000.000	210.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2020	6.759.728.200	6.759.728.200
Tại ngày 30/06/2020	6.759.728.200	6.759.728.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2020	1.612.312.174	1.612.312.174
Khấu hao trong kỳ	355.269.096	355.269.096
Tại ngày 30/06/2020	1.967.581.270	1.967.581.270
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2020	5.147.416.026	5.147.416.026
Tại ngày 30/06/2020	4.792.146.930	4.792.146.930
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	1.244.137.900	1.244.137.900

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2020	10.669.830.663	2.200.000.000	12.869.830.663
Tại ngày 30/06/2020	10.669.830.663	2.200.000.000	12.869.830.663
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2020	4.975.488.983	36.666.666	5.012.155.649
Khấu hao trong kỳ	305.920.002	109.999.998	415.920.000
Tại ngày 30/06/2020	5.281.408.985	146.666.664	5.428.075.649
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	5.694.341.680	2.163.333.334	7.857.675.014
Tại ngày 30/06/2020	5.388.421.678	2.053.333.336	7.441.755.014
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng</i>	4.820.630.663	-	4.820.630.663

17. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	1.021.055.215	910.334.260
Tiền lãi phân bổ hàng năm	-	-
Cộng	1.141.055.215	1.030.334.260

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	10.150.316	-	10.150.316	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	396.722.320	232.398.099	531.419.238	97.701.181
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	406.872.636	235.398.099	544.569.554	97.701.181

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	35.000.000	77.000.000
Chi phí phải trả VSD, HNX, HOSE	-	62.729.836
Chi phí phải trả khác	219.880.000	9.834.000
Cộng	254.880.000	149.563.836

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	55.000.000.000	(18.772.468.184)	36.227.531.816
Tăng vốn trong năm	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Lãi trong năm	-	173.834.628	173.834.628
Tại ngày 31/12/2019	155.000.000.000	(18.598.633.556)	136.401.366.444
Lỗ trong kỳ	-	(4.204.323.231)	(4.204.323.231)
Tại ngày 30/06/2020	155.000.000.000	(22.802.956.787)	132.197.043.213

Chi tiết vốn chủ sở hữu:

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Huỳnh Đăng Khoa	106.000.000.000	68,39%	106.000.000.000	68,39%
Ông Lê Minh Quang	41.300.000.000	26,65%	41.300.000.000	26,65%
Các cổ đông khác	7.700.000.000	4,97%	7.700.000.000	4,97%
Cộng	155.000.000.000	100%	155.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG****21.1. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhà đầu tư chứng khoán	6.515.685.520	6.515.685.520
Phải thu hoạt động tư vấn	301.500.000	301.500.000
- Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	301.500.000	301.500.000
Trả trước cho người bán	85.331.654	85.331.654
- Công ty TNHH Innet	66.631.654	66.631.654
- Công ty Cổ phần mạng Hoa Sen	18.700.000	18.700.000
Cộng	6.902.517.174	6.902.517.174

21.2. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.710.000	2.710.000
Cộng	2.710.000	2.710.000

21.3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	139.656.520.000	192.259.090.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	2.849.220.000	2.799.220.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	267.100.000.000	221.100.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	22.444.460.000
Cộng	409.605.740.000	438.602.770.000

21.4. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.135.940.000	-
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	54.970.750.000	54.970.750.000
Cộng	56.106.690.000	54.970.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21.5. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	7.168.034.888	7.756.841.902
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	1.000.000	-
Cộng	<u>7.169.034.888</u>	<u>7.756.841.902</u>

21.6. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Của Nhà đầu tư trong nước	2.381.989.379	2.929.581.289
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	4.787.045.509	4.827.260.613
Cộng	<u>7.169.034.888</u>	<u>7.756.841.902</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - CTCK

22. CHÈNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Mã CP	Nội dung	Tại ngày 30/06/2020						Tại ngày 01/01/2020					
			Số lượng	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại	Số lượng	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
						Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm					Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A		Tài sản tài chính thông qua lãi lỗ (PVTPL)	271	4.252.590	5.005.100	1.528.530	1.997.070	5.005.100	271	4.252.590	5.473.640	239.000	50.220	5.473.640
I		Cổ phiếu niêm yết	271	4.252.590	5.005.100	1.528.530	1.997.070	5.005.100	271	4.252.590	5.473.640	239.000	50.220	5.473.640
1.1	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	153	1.458.060	3.488.400	1.147.500	1.147.500	3.488.400	153	1.458.060	3.488.400	-	45.900	3.488.400
1.2	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	11	664.900	546.700	188.100	433.400	546.700	11	664.900	792.000	-	-	792.000
1.3	HAS	Công ty Cổ phần HACISCO	7	66.700	51.100	6.510	4.410	51.100	7	66.700	49.000	-	2.100	49.000
1.4	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	6	84.000	120.000	62.700	20.100	120.000	6	84.000	77.400	9.600	-	77.400
1.5	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	10	367.200	83.300	20.000	12.700	83.300	10	367.200	76.000	-	600	76.000
1.6	PVX	Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	40	866.670	48.000	24.000	20.000	48.000	40	866.670	44.000	-	-	44.000
1.7	RIC	Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia	2	61.200	10.400	6.120	5.560	10.400	2	61.200	9.840	-	1.420	9.840
1.8	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	4	143.200	43.000	20.000	17.200	43.000	4	143.200	40.200	-	200	40.200
1.9	VC2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2	36	411.800	453.600	7.200	270.000	453.600	36	411.800	716.400	219.600	-	716.400
1.10	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2	128.860	160.600	46.400	66.200	160.600	2	128.860	180.400	9.800	-	180.400
		Cộng	271	4.252.590	5.005.100	1.528.530	1.997.070	5.005.100	271	4.252.590	5.473.640	239.000	50.220	5.473.640

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CỐ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH, CÁC KHOẢN CHO VAY**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.705.230.155	304.430.139
Cộng	2.705.230.155	304.430.139

24. DOANH THU MÔI GIỚI, BẢO LÃNH, TƯ VẤN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	13.406.534	509.080.105
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	78.323.072	65.985.354
Thu nhập hoạt động khác	14.281.825	1.818.184
Cộng	106.011.431	576.883.643

25. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI, LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VÀ DỊCH VỤ KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	641.070.225	1.197.898.296
- Chi phí tiền lương	153.062.894	192.142.941
- Các khoản trích theo lương	19.881.000	11.637.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	139.500.000	32.502.419
- Chi phí khác	328.626.331	961.615.936
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	1.732.500	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	589.086.030	121.890.679
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	20.000.000	-
Cộng	1.251.888.755	1.319.788.975

26. DOANH THU TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	84.180.410	41.298.995
Cộng	84.180.410	41.298.995

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.939.507.408	1.827.351.707
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	170.574.558	152.396.508
Chi phí khấu hao TSCĐ	492.189.096	441.628.305
Thuế, phí và lệ phí	5.104.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.148.650.901	1.752.955.616
Chi phí khác	91.777.444	41.749.651
Trong đó:		
Thù lao Ban kiểm soát	-	-
Cộng	5.847.803.407	4.216.081.787

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.204.323.231)	(5.957.113.900)
Các khoản điều chỉnh:	85.771.049	94.356.724
Trừ:	(1.575.130)	(2.581.310)
- Thu nhập từ cổ tức	(46.600)	(17.800)
- Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	(1.528.530)	(2.563.510)
Cộng:	87.346.179	96.938.034
- Chi phí không được trừ	85.349.109	95.340.654
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	1.997.070	1.597.380
Thu nhập chịu thuế	(4.118.552.182)	(5.862.757.176)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.204.323.231)	(5.957.113.900)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.204.323.231)	(5.957.113.900)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.500.000	10.829.670
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(271)	(550)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 tại một số thuyết minh ở phần trên.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận quản trị rủi ro thực hiện.

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ngoài ra, hoạt động của Công ty chịu một số rủi ro đặc thù riêng như: Rủi ro pháp lý và rủi ro truyền thông. Chi tiết một số rủi ro chính của Công ty như sau:

Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư hoặc do các nguyên nhân khách quan khác. Một số biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro như sau:

- Thường xuyên xây dựng, rà soát, cập nhật, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hệ thống quy trình nghiệp vụ.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Xây dựng phương án dự phòng cho các tình huống khẩn cấp; hệ thống dự phòng kỹ thuật, dữ liệu cho một số bộ phận nghiệp vụ.
- Thường xuyên đào tạo, tổ chức đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm, đạo đức hành nghề cho cán bộ nhân viên.
- Xây dựng kế hoạch, huy động nguồn vốn cần thiết đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi.

Biện pháp quản trị rủi ro thị trường của Công ty:

- Thường xuyên phân tích, theo dõi, cảnh báo tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô, ngành và liên quan tới lĩnh vực chứng khoán.
- Đánh giá, kiểm soát chặt chẽ diễn biến của thị trường chứng khoán; diễn biến về giá của các tài sản tự doanh, tài sản nhận bảo đảm.
- Xây dựng danh mục chứng khoán ký quỹ và tỷ lệ ký quỹ phù hợp với quy định của pháp luật, với thị trường trong từng thời điểm.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Biện pháp quản trị rủi ro tín dụng của Công ty:

- Xây dựng hành lang pháp lý trong các cam kết với đối tác, trong các điều khoản Hợp đồng đảm bảo có chế tài chặt chẽ, có biện pháp xử lý thích hợp nếu đối tác, khách hàng không thực hiện đúng cam kết thanh toán đúng hạn.
- Phân tích, đánh giá chính xác, theo dõi, cảnh báo sớm đối với loại tài sản nhận làm tài sản bảo đảm của khách hàng, đối tác.
- Xây dựng cơ chế bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các giao dịch với các đối tác và khách hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của đối tác, khách hàng.
- Thường xuyên theo dõi, đảm bảo khách hàng, đối tác luôn thanh toán theo tiến độ hợp đồng để giảm thiểu rủi ro khó thu tiền của khách hàng.
- Cảnh báo sớm nếu có dấu hiệu khó thu hồi.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro này phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Biện pháp quản trị rủi ro thanh khoản của Công ty:

- Dự trữ nguồn tiền mặt cần thiết đảm bảo khả năng thanh khoản của Công ty.
- Duy trì, đa dạng hóa đối tác cho Công ty vay ngắn hạn với lãi suất hợp lý.
- Xây dựng hệ thống báo cáo thường xuyên, quản lý dòng tiền toàn công ty, theo dõi trạng thái thanh khoản, cảnh báo sớm nếu có sự thiếu hụt thanh khoản trong tương lai.
- Luôn duy trì và đảm bảo tỷ lệ cao giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn.
- Thường xuyên rà soát danh mục tài sản, danh mục đầu tư.
- Đa dạng hóa danh mục tài sản và công nợ theo hướng tăng tính thanh khoản. Trong trường hợp đặc biệt, Công ty có thể chuyển nhượng, bán... được tài sản của mình để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro Công ty không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh dẫn tới việc thực hiện sai và có thể xảy ra tranh chấp, kiện tụng; hoặc việc bị hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, ...

Biện pháp quản trị rủi ro pháp lý của Công ty:

- Thường xuyên cập nhật các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Thường xuyên theo dõi quá trình dự thảo các văn bản pháp luật liên quan tới hoạt động của Công ty.
- Tổ chức đào tạo nội bộ hoặc cử cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo liên quan tới những vấn đề pháp lý.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát tuân thủ nội bộ; bộ phận Pháp chế hoạt động chuyên nghiệp có khả năng kiểm soát được các rủi ro pháp lý.
- Xây dựng, cập nhật các Quy chế, quy trình, Hợp đồng đảm bảo tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi của Công ty.
- Cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng gọn nhẹ, phân chia trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng.
- Thuê chuyên gia pháp lý, đơn vị tư vấn pháp lý để thực hiện một số vụ việc phức tạp (nếu cần).

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc	1.299.963.561	648.662.000

32. ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH BỆNH COVID 19 ĐẾN VIỆC LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Dịch viêm đường hô hấp Covid -19 bắt đầu từ cuối năm 2019 tại Vũ Hán - Trung Quốc, hiện nay đã lan tới 200 nước và vùng lãnh thổ trên toàn cầu. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp và chưa có dấu hiệu giảm. Tại Việt Nam, dịch bệnh cơ bản đã được kiểm soát, tuy vậy ảnh hưởng của dịch Covid 19 đến toàn bộ nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán là rất lớn. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát tất cả các dịch vụ chứng khoán do Nhà nước định giá, trên cơ sở đó, ngày 18/3, Bộ Tài chính đã kịp thời ban hành Thông tư số 14/2020/TT-BTC, trong đó giảm giá và miễn hoàn toàn không thu đối với 15 loại dịch vụ chứng khoán nhằm hỗ trợ thị trường chứng khoán trước ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tiếp tục theo dõi biến động của thị trường, đánh giá rủi ro một cách thận trọng để có các quyết định phù hợp đối với hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp trong thời gian tới. Không có bất kỳ điều chỉnh nào đến số liệu báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2020 do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi kiểm toán viên khác. Một số số liệu so sánh đã được trình bày lại cho phù hợp, chi tiết như sau:

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tài chính riêng	Mã số	31/12/2019	01/01/2020 trình bày lại	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	004	6.817.185.520	6.902.517.174	85.331.654

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hồ Thị Kiều

Hồ Thị Kiều

Lê Minh Quang